

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

DÀNH CHO SINH VIÊN KHÓA 23

(Ban hành theo Quyết định số 173/QĐ-ĐHVLT ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Lang)

Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Đông phương học (Oriental Studies)
Mã số	: 52210205
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình ngành Đông phương được xây dựng theo hướng đào tạo người học có phẩm chất chính trị tư tưởng vững vàng, có kỹ luật, đạo đức nghề nghiệp, nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức tương đối toàn diện và hệ thống về Đông phương học theo hướng chuyên ngành Nhật Bản học và Hàn Quốc học. Người học tốt nghiệp ngành Đông phương học ở Đại học Văn Lang được trang bị các kỹ năng ngoại ngữ Nhật hoặc Hàn trong giao tiếp nghiệp vụ ngoại thương, du lịch, giảng dạy; có kỹ năng về quan hệ quốc tế và giao tiếp xã hội. Cử nhân Đông phương học có thể làm việc cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở Việt Nam và khu vực, các tổ chức quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.1.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo ngành Đông phương học giúp người học nắm vững kiến thức về khu vực và đất nước như: văn hóa, lịch sử, kinh tế, chính trị, địa lý chính sách đối ngoại của các nhóm tộc người có liên quan trên địa bàn Việt Nam như (Hoa, Chăm, Raglai...) và trên thế giới..., của khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là Nhật Bản, Hàn Quốc. Qua đó, người học có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành trong học tập, nghiên cứu chuyên ngành và ứng dụng trong thực tiễn. Cùng với đó, người học cũng được trang bị các kiến thức chung thuộc hệ thống giáo dục quốc dân về triết học Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.1.2. Về kỹ năng chuyên môn

Chương trình đào tạo Đông phương học của trường Đại học Văn Lang hướng đến đào tạo nhân lực có kỹ năng chuyên môn như phân tích, tổng hợp các nguồn dữ liệu đa lĩnh vực, đa ngôn ngữ (ít nhất là tiếng Anh và ngôn ngữ chuyên ngành); nhận biết, phân loại các dữ liệu, thông tin về khu vực học và đất nước học, làm nền tảng cho việc không ngừng tự hoàn thiện tư duy sáng tạo; tiếp cận sự tương đồng và sự khác biệt về đặc trưng văn hóa xã hội của các nền văn hóa trong khu vực (thuộc từng chuyên ngành) trong sự so sánh đối chiếu; có khả năng nghiên cứu và đề xuất các khuyến nghị nhằm khắc sâu sự hiểu biết, thúc đẩy quan hệ hữu nghị, ngoại giao giữa Việt Nam và các nước châu Á khác; giao tiếp có hiệu quả, có khả năng hội nhập và thích nghi trong môi trường giao lưu quốc tế.

1.1.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học tốt nghiệp cử nhân Đông phương học trường Đại học Văn Lang có năng lực nghiên cứu độc lập, phát hiện các vấn đề kinh tế, xã hội; đề xuất những sáng kiến khả thi; thích nghi với môi trường làm việc quốc tế có tính cạnh tranh cao; có năng lực dẫn dắt chuyên môn, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn. Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có trách nhiệm công dân, tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và đạo đức nghề nghiệp.

1.1.4. Vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Với kiến thức ngoại ngữ và nghiệp vụ ngoại thương, du lịch, giảng dạy,... Cử nhân Đông phương học của Đại học Văn Lang có khả năng tham gia nhiều vị trí công tác trong cơ quan, công ty, ban ngành trong nước và quốc tế: biên – phiên dịch, phóng viên quốc tế, biên tập viên, nhân viên hải quan, Sở ngoại vụ,... hoặc giảng dạy ngoại ngữ tại các cấp học. Sau khi tốt nghiệp đại học, người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo cao học ở Việt Nam hoặc các nước Nhật Bản, Hàn Quốc về chuyên môn tiếng, các lĩnh vực khoa học khác như Châu Á học, Quan hệ quốc tế, Nhật Bản học, Hàn Quốc Học.

2. Chuẩn đầu ra:

2.1. Kiến thức

- Có kiến thức cơ bản về triết học Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh,... từ đó xây dựng tinh thần yêu nước, phẩm chất chính trị.

- Nắm vững kiến thức về văn hóa nghệ thuật, tôn giáo, lịch sử, kinh tế, chính trị, địa lý, chính sách đối ngoại của các tộc người trên địa bàn Việt Nam và các dân tộc thuộc khu vực Đông Nam Á, đặc biệt Nhật Bản và Hàn Quốc.

- Nắm vững kiến thức về ngôn ngữ, biên – phiên dịch và quan hệ quốc tế hiện đại phương Đông.

- Nắm được kiến thức cơ bản về các lĩnh vực: du lịch, thương mại, quản lý nhà nước,... để có thể vận dụng vào thực tiễn.

2.2. Kỹ năng

a. Kỹ năng cứng

- Giao tiếp thuận thục ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Hàn Quốc, Nhật Bản.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học: phân tích, tổng hợp, đánh giá, các nguồn dữ liệu ngôn ngữ, văn hóa khu vực Đông Nam Á.

- Trình bày văn bản hành chính, thương mại bằng ngoại ngữ.

- Có kỹ năng giảng dạy ngoại ngữ; biên – phiên dịch tiếng Hàn Quốc và Nhật Bản.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn, bảo vệ những kết luận chuyên môn do mình đề ra.

b. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, du lịch phù hợp văn hóa các dân tộc khu vực Đông Nam Á.

- Tổ chức và quản lý nhóm làm việc

- Xử lý các tình huống văn hóa của các dân tộc phương Đông.

- Lập kế hoạch điều phối, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

- Thích nghi với các môi trường lao động quốc tế có tính cạnh tranh cao.

2.3. Thái độ

- Có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội.

- Có tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, ý chí phấn đấu trong nghề nghiệp và trong cuộc sống.

- Có thái độ ứng xử văn minh, phù hợp với truyền thống văn hóa từng dân tộc, đất nước.

- Có ý thức tôn trọng pháp luật.

2.4. Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Đông phương học do trường Đại học Văn Lang đào tạo có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc khác nhau trong cơ quan, công ty, ban ngành ở Việt Nam và quốc tế, với vai trò: biên – phiên dịch, phóng viên quốc tế, biên tập viên, nhân viên hải quan, nhân viên Sở ngoại vụ, Bộ ngoại giao, giảng dạy ngoại ngữ tại các cấp học, nghiên cứu ngôn ngữ học và văn hóa học,...

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân Đông phương học tốt nghiệp tại trường Đại học Văn Lang có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo sau đại học ở Việt Nam hoặc Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước khác trên thế giới, với các chuyên ngành Đông phương học, Châu Á học, Ngôn ngữ học, Văn học, Quan hệ quốc tế, Nhật Bản học, Hàn Quốc học,...

3. Thời gian đào tạo: 04 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức tối thiểu cho toàn khóa học là **127** tín chỉ (không kể phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

5. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng chính quy hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 25/2006/QĐ – BGDĐT.

6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo có 127 tín chỉ, bao gồm ba mảng: kiến thức triết học, chính trị; kiến thức giáo dục cơ sở ngành; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; thực hiện trong 4 năm với 8 học kỳ. Cụ thể: kiến thức chính trị, quốc phòng, thể chất, pháp luật, môi trường, khoa học xã hội - nhân văn triển khai ở ba học kỳ năm thứ nhất và năm thứ 2; khối kiến thức Anh ngữ triển khai trải dài từ học kỳ 1 đến học kỳ 5; khối kiến thức chuyên ngành và bổ trợ ngành triển khai ở tất cả học kỳ, trong đó tập trung nhiều từ học kỳ 4 đến học kỳ 7; học kỳ 8 sinh viên được hướng dẫn thực tập nghề nghiệp và thi tốt nghiệp.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo và không còn học phần đạt điểm dưới 5;
- Được xếp loại đạt ở kỳ thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Được xếp loại đạt các học phần Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

7. Thang điểm

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10.

8. Nội dung chương trình

CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (127 TC)

	Các học phần	Bắt buộc	Ghi chú
.1	Khối kiến thức đại cương (Không kể các học phần GDTC và GDQP)	39	
.2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	
	– Kiến thức cơ sở	8	
	– Kiến thức ngành chính	64	
	– Kiến thức tự chọn	4	Chọn 4/10 TC
	– Thực tập	5	
	– Thi tốt nghiệp/ khóa luận	6	
Tổng cộng		126	

8.1 Khối kiến thức đại cương (40 TC)**8.1.1 Lý luận chính trị (10 TC)**

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
	Cộng	10

8.1.2 Khoa học xã hội (8 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ
4	Pháp luật đại cương	2
5	Luật bản quyền	2
6	Xã hội học đại cương	2
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
	Cộng	8

8.1.3 Nhân văn – Nghệ thuật (4 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
9	Dẫn luận ngôn ngữ học	2
	Cộng	4

8.1.4 Ngoại ngữ (12TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ
10	Anh văn 1	3
11	Anh văn 2	3
12	Anh văn 3	3
13	Anh văn 4	3
	Cộng	12

8.1.5 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường (5TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ
15	Môi trường và con người	2
16	Tin học căn bản	3
	Cộng	5

8.1.6 Giáo dục thể chất (5 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ
17	Giáo dục thể chất	5**
	Cộng	5

8.1.7 Giáo dục quốc phòng – An ninh (8 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ
18	Giáo dục quốc phòng	8**
	Cộng	8

** Không tính vào điểm trung bình học kỳ và toàn khóa học

8.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

8.2.1. Kiến thức cơ sở (8 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ
19	Các loại hình ngôn ngữ phương Đông	2
20	Lý luận về nhà nước và nhà nước phương Đông	2
21	Nhập môn quan hệ quốc tế và quan hệ quốc tế phương Đông	2
22	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	2
	Cộng	8

8.2.2. Kiến thức ngành chính (bắt buộc 64 TC)

Sinh viên chọn một trong hai chuyên ngành sau:

- **Nhật Bản học**

STT	Học phần	Số tín chỉ
23	Địa lý Nhật Bản	2
24	Lịch sử Nhật Bản	2
25	Kinh tế Nhật Bản	2
26	Văn hóa Nhật Bản	2
27	Văn học Nhật Bản	2
28	Nói Tiếng Nhật	12
29	Nghe Tiếng Nhật	12
30	Đọc Tiếng Nhật	12
31	Ngữ pháp Tiếng Nhật	12
32	Biên dịch Nhật – Việt	3
33	Phiên dịch Nhật – Việt	3
	Cộng	64

- **Hàn Quốc học**

STT	Học phần	Số tín chỉ
34	Địa lý Hàn Quốc	2
35	Lịch sử Hàn Quốc	2

36	Văn học Hàn Quốc	2
37	Văn hóa Hàn Quốc	2
38	Tiếng Hàn thương mại	2
39	Nói Tiếng Hàn	12
40	Nghe Tiếng Hàn	12
41	Đọc Tiếng Hàn	12
42	Viết Tiếng Hàn	12
43	Biên dịch Hàn – Việt	3
44	Phiên dịch Hàn – Việt	3
	Cộng	64

8.2.3. Kiến thức bổ trợ tự do (4TC)
Sinh viên chọn 4 tín chỉ từ các học phần dưới đây:

STT	Học phần	Số tín chỉ
45	Thực hành văn bản tiếng Việt	2
46	Nghiệp vụ du lịch	2
47	Nghiệp vụ ngoại thương	2
48	Nghiệp vụ văn phòng và hành chính nhân sự	2
49	Phương pháp giảng dạy tiếng	2
	Cộng	10

7.2.4. Thực tập và khóa luận (11 TC)

STT	Học phần	Số tín chỉ
50	Thực tập	5
51	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc thi TN)**	6
	Cộng	11

** Sinh viên tự chọn một trong các hình thức tốt nghiệp:

- Lựa chọn 1: Thực hiện 1 khóa luận tốt nghiệp
- Lựa chọn 2: Thi tốt nghiệp

Kế hoạch giảng dạy

① NHẬT BẢN HỌC

Học kỳ	Tên học phần	Số TC	Đơn vị phụ trách
1 (17TC)	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	BM. Đông phương học
	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1	2	K. KHCB

	Môi trường và con người	2	K. KHCB
	Anh văn 1	3	K. Ngôn ngữ Anh
	Ngữ pháp 1 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nói 1 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nghe 1 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Đọc 1 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
2 (15TC)	Anh văn 2	3	K. Ngôn ngữ Anh
	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2	3	K. KHCB
	Ngữ pháp 2 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nói 2 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nghe 2 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Đọc 2 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Tin học đại cương	3	K. CNTT
3 (17TC)	Anh văn 3	3	K. Ngôn ngữ Anh
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	BM. Văn học
	Pháp luật đại cương	2	K. KHCB
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	K. KHCB
	Ngữ pháp 3 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nói 3 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nghe 3 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Đọc 3 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
4 (18TC)	Ngữ pháp 4 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nói 4 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nghe 4 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Đọc 4 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Đường lối CM của ĐCS VN	3	K. KHCB
	Anh văn 4	3	K. Ngôn ngữ Anh
	Các loại hình ngôn ngữ ở phương Đông	2	BM. Đông phương học
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BM. Đông phương học
5	Ngữ pháp 5 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nói 5 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nghe 5 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học

(20TC)	Đọc 5 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Xã hội học đại cương	2	ĐH Văn Lang
	Lý luận về nhà nước và nhà nước phương Đông	2	BM. Đông phương học
	Địa lý Nhật Bản	2	BM. Đông phương học
	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	BM. Đông phương học
6 (18TC)	Kinh tế Nhật Bản	2	BM. Đông phương học
	Lịch sử Nhật Bản	2	BM. Đông phương học
	Nghiệp vụ du lịch	2	Khoa Du lịch
	Nhập môn quan hệ quốc tế và quan hệ quốc tế ở phương Đông	2	BM. Đông phương học
	Ngữ pháp 6 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nói 6 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Nghe 6 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Đọc 6 tiếng Nhật	2	BM. Đông phương học
	Văn hóa Nhật Bản	2	BM. Đông phương học
7 (16TC)	Phương pháp giảng dạy tiếng	2	BM. Đông phương học
	Kinh tế các nước Châu Á – Thái Bình Dương	2	BM. Đông phương học
	Nghiệp vụ ngoại thương	2	Khoa Kinh tế thương mại
	Nghiệp vụ văn phòng và hành chính nhân sự	2	Khoa Quản trị kinh doanh
	Văn học Nhật Bản	2	Bộ môn Văn học
	Biên dịch Nhật – Việt	3	BM. Đông phương học
	Phiên dịch Nhật – Việt	3	BM. Đông phương học
8 (11TC)	Thực tập	5	BM. Đông phương học
	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học hai học phần thay thế)	6	BM. Đông phương học

② HÀN QUỐC HỌC

Học kỳ	MÔN HỌC	Số tín chỉ	Đơn vị phụ trách
1 (17TC)	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1	2	K. KHCB
	Anh văn 1	3	K. Ngôn ngữ Anh
	Nói 1 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học

	Nghe 1 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Đọc 1 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Viết 1 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	BM. Đông phương học
	Môi trường và con người	2	K. KHCB
2 (15TC)	Tin học đại cương	3	K. Công nghệ thông tin
	Anh văn 2	3	K. Ngôn ngữ Anh
	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2	3	K. KHCB
	Nói 2 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Nghe 2 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Đọc 2 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Viết 2 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
3 (17TC)	Anh văn 3	3	K. Ngôn ngữ Anh
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	BM. Văn học
	Pháp luật đại cương	2	K. KHCB
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	K. KHCB
	Nói 3 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Nghe 3 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Đọc 3 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Viết 3 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
4 (18TC)	Đường lối CM của ĐCS VN	3	K. KHCB
	Nói 4 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Nghe 4 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Đọc 4 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Viết 4 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Anh văn 4	3	K. Ngôn ngữ Anh
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	BM. Đông phương học
	Các loại hình ngôn ngữ ở phương Đông	2	BM. Đông phương học
5 (20TC)	Lý luận về nhà nước và nhà nước phương Đông	2	BM. Đông phương học
	Nói 5 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Nghe 5 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học

	Đọc 5 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Viết 5 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Xã hội học đại cương	2	ĐH Văn Lang
	Địa lý Hàn Quốc	2	BM. Đông phương học
	Lịch sử Hàn Quốc	2	BM. Đông phương học
6 (18TC)	Nói 6 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Nghe 6 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Đọc 6 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Viết 6 tiếng Hàn	2	BM. Đông phương học
	Văn hóa Hàn Quốc	2	BM. Đông phương học
	Văn học Hàn Quốc	2	BM. Văn học
	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	BM. Đông phương học
	Tiếng Hàn thương mại	2	BM. Đông phương học
	Nhập môn quan hệ quốc tế và quan hệ quốc tế phương Đông	2	BM. Đông phương học
7 (16TC)	Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương	2	BM. Đông phương học
	Nghiệp vụ du lịch	2	Khoa Du lịch
	Nghiệp vụ ngoại thương	2	Khoa Kinh tế thương mại
	Nghiệp vụ văn phòng và hành chính nhân sự	2	Khoa Quản trị kinh doanh
	Phương pháp giảng dạy tiếng	2	BM. Đông phương học
	Biên dịch Hàn – Việt	3	BM. Đông phương học
	Phiên dịch Hàn – Việt	3	BM. Đông phương học
8 (11TC)	Thực tập tốt nghiệp	5	BM. Đông phương học
	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học hai học phần thay thế)	6	BM. Đông phương học

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần:

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lenin (5 tín chỉ)

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh (3 tín chỉ)

Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.4. Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung của học phần bao gồm 15 buổi học, giới thiệu cho sinh viên các nội dung cơ bản nhất của Xã hội học. Sau khi học xong môn học này, sinh viên sẽ phân biệt được đối tượng nghiên cứu của Xã hội học so với các ngành khoa học xã hội khác, các lý thuyết cơ bản của ngành Xã hội học, các khái niệm và phạm trù cơ bản của Xã hội học, các tiến trình cơ bản khi thực hiện một đề tài nghiên cứu và giới thiệu một số chuyên ngành chính của Xã hội học.

9.5. Dẫn luận ngôn ngữ học (2 tín chỉ)

Học phần lần lượt trình bày đối tượng, nhiệm vụ của ngôn ngữ, bản chất và chức năng của ngôn ngữ; tính hệ thống và quá trình hình thành, phát triển của ngôn ngữ; dẫn luận về ngữ âm học, từ vựng học và ngữ pháp học.

9.6. Môi trường và con người (2 tín chỉ)

Môn học được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên về môi trường, giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức cơ bản về môi trường, mối quan hệ tương hỗ giữa con người và môi trường, cơ sở khoa học môi trường, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.

9.7. Anh văn cơ bản 1,2,3,4 (12 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kỹ năng cần thiết nhằm thực hành giao tiếp thông thường cũng như bước đầu giao tiếp trong công việc chuyên ngành và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 7 năm ở bậc trung học.

9.8. Ngữ pháp 1,2,3,4,5,6 Tiếng Nhật (12 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Nhật. Sinh viên sẽ được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày.

9.9. Nói 1,2,3,4,5,6 tiếng Nhật (12 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Nhật. Sinh viên sẽ được rèn luyện ngữ âm và kỹ năng nói thông qua những bài tập trong sách giáo khoa và bài tập tình huống thực tế.

9.10. Nghe 1,2,3,4,5,6 tiếng Nhật (12 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Nhật. Sinh viên sẽ được rèn luyện ngữ âm và kỹ năng nghe thông qua những bài tập trong sách giáo khoa và bài tập tình huống thực tế.

9.11. Đọc 1,2,3,4,5,6 tiếng Nhật (12 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên từ Hán tự cơ bản trong tiếng Nhật. Sinh viên sẽ được rèn luyện cách đọc từ vựng dưới hình thức chữ Hán tự và cách ghi nhớ mặt chữ. Đồng thời sinh viên cũng được rèn luyện kỹ năng đọc thông qua những bài tập trong sách giáo khoa.

9.12. Tin học đại cương (3 tín chỉ)

Nắm vững các vấn đề tổng quan về máy tính, các lý thuyết cơ bản và ứng dụng thành thạo các chương trình thông thường như Microsoft Word, Excel, Internet, Powerpoint.

9.13. Phương pháp NCKH (2 tín chỉ)

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên Phương pháp nghiên cứu được xây dựng trên các mục tiêu cơ bản như: Lý luận chung về NCKH; phương pháp tổ chức triển khai NCKH, về bản chất của NCKH cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học. Qua đó, môn học giúp sinh viên tìm ra được hướng đi đúng đắn cho đề tài nghiên cứu của mình.

9.14. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm những hình thức cơ bản, có tính hệ thống mang tính chất khái quát lý luận về nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức nhà nước – pháp luật nói chung và nhà nước – pháp luật Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nói riêng. Về hệ thống pháp luật, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nội dung cơ bản của các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Những vấn đề lý luận cơ bản về thực hiện pháp luật, ý thức pháp luật, pháp chế Xã Hội Chủ Nghĩa, vấn đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay. Việc nghiên cứu học tập những nội dung cơ bản này là một nhu cầu cấp bách, có ý nghĩa rất quan trọng khi Đảng và nhà nước ta đang chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

9.15. Các loại hình ngôn ngữ ở Phương Đông (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên lượng kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học - khái quát về ngôn ngữ học so sánh lịch sử, tìm hiểu về sự hình thành và phát triển của các ngôn ngữ phương Đông. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cần yếu về ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.

9.16. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

Văn hóa Việt Nam là một thực thể phức hợp phong phú, thống nhất trong đa dạng, có lịch sử trên bốn nghìn năm. Văn hóa Việt Nam phản ánh quá trình vận động của lịch sử Việt Nam, trong đó yếu tố tộc người Kinh làm chủ đạo và sự chung sống thuận hòa của 54 dân tộc khác đã tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Do vậy, môn Cơ sở văn hóa Việt Nam giúp sinh viên nhận thức được hệ thống kiến thức bao gồm; những lý luận cơ bản về văn hóa và văn hóa học, đặc trưng, cấu trúc và tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử của dân tộc.

9.17. Lý luận về nhà nước và nhà nước phương Đông (2 tín chỉ)

Trên nền tảng của chủ nghĩa duy vật lịch sử, môn học cung cấp hệ thống kiến thức về các phương diện lý luận về Nhà nước. Môn học đi sâu vào những vấn đề: lý luận về nhà nước phương Đông, nguồn gốc, cơ sở hình thành, đặc điểm, vai trò của nhà nước phương Đông.

9.18. Địa lý Nhật Bản (2 tín chỉ)

Môn học trình bày về các đặc điểm về địa lý và dân cư Nhật Bản.

9.19. Thực hành văn bản tiếng Việt (2 tín chỉ)

Trên cơ sở giới thiệu khái lược về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của Tiếng Việt, môn học hướng sinh viên biết cách sử dụng tiếng Việt chuẩn xác, hiệu quả trong công việc báo chí truyền thông và hoạt động PR

9.20. Kinh tế Nhật Bản (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức về nền kinh tế Nhật Bản và xu hướng phát triển kinh tế thị trường tại và trong tương lai. Giới thiệu những đặc trưng trong quá trình phát triển kinh tế Nhật Bản từ thời đại Minh Trị cho đến nay với chủ trương rút ra những kinh nghiệm có thể vận dụng vào Việt Nam.

9.21. Lịch sử Nhật Bản (2 tín chỉ)

Môn học gồm có 5 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử Nhật Bản từ thời nguyên thủy đến ngày nay với những diễn tiến chủ yếu, cơ bản và hệ thống.

9.22. Nghiệp vụ du lịch (2 tín chỉ)

Học phần này giúp sinh viên tìm hiểu quá trình quản lý và điều hành các hoạt động du lịch, bao gồm: phân công, đôn đốc nhân sự, điều phối thông tin, các cơ quan và nhân viên, giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực du lịch, quản lý và tổ chức các cơ sở vật chất của hoạt động du lịch như khách sạn, vận chuyển, thực phẩm,... phương pháp xây dựng kế hoạch làm việc, lập các báo cáo kết quả tài chính,...

9.23. Nhập môn quan hệ quốc tế và quan hệ quốc tế Phương Đông (2 tín chỉ)

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và lý thuyết và thực hành về lĩnh vực nghiên cứu Quan hệ quốc tế và thực tiễn Quan hệ quốc tế ở phương Đông.

- + Các lý thuyết căn bản của nghiên cứu Quan hệ quốc tế
- + Các khái niệm căn bản của ngành nghiên cứu Quan hệ quốc tế
- + Khái quát lịch sử phát triển phương Đông cận hiện đại
- + Thực tiễn Quan hệ quốc tế Đông Á

9.24. Văn hóa Nhật Bản (2 tín chỉ)

Môn học mô tả những vấn đề văn hóa trong xã hội Nhật Bản, các phương pháp nghiên cứu các vấn đề xã hội.

9.25. Phương pháp giảng dạy tiếng (2 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghiệp vụ giảng dạy ngôn ngữ và các hoạt động giảng dạy. Lý thuyết: Lịch sử phương pháp giảng dạy tiếng. Vai trò của giáo viên và việc thiết kế môn học. Một số phương pháp giảng dạy chủ yếu.

Thực hành: Huấn luyện các kỹ năng, chiến lược và hoạt động giảng dạy. Soạn giáo án. Tiến hành giảng dạy một giờ trên lớp.

9.26. Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (2 tín chỉ)

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển và thực trạng cũng như triển vọng nền kinh tế các nước trong khu vực. Nội dung môn học gồm 5 chương:

- Chương 1: Giới thiệu tổng quan nền kinh tế các nước
- Chương 2: Kinh tế Nhật Bản
- Chương 3: Kinh tế Trung Quốc
- Chương 4: Kinh tế các nước công nghiệp NICs
- Chương 5: Kinh tế các nước ASEAN

9.27. Nghiệp vụ ngoại thương (2 tín chỉ)

Môn kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương là môn học về soạn thảo được hợp đồng ngoại thương, thư thương mại, kỹ năng xem xét bộ hồ sơ XNK và tài liệu khác có liên quan. Những kiến thức cơ bản về xuất nhập khẩu gồm: bộ chứng từ xuất nhập khẩu, thư tín dụng thông thường trong hoạt động XNK, hợp đồng thương mại, các giao dịch mail bằng Anh ngữ.

9.28. Nghiệp vụ văn phòng và hành chính nhân sự (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết trong quá trình quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng, nhấn mạnh đến hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh). Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp. Các bài thảo luận và thực hành trong mỗi giữa và cuối chương để sinh viên làm quen với những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng.

9.29. Văn học Nhật Bản (2 tín chỉ)

Giới thiệu 1 số tác phẩm tiêu biểu trong từng giai đoạn văn học Nhật Bản. Sinh viên sẽ đọc và phân tích tác phẩm để hiểu hơn về cách suy nghĩ của các tác gia ở mỗi thời đại.

9.30. Biên dịch Nhật – Việt (3 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên nắm vững các phương pháp biên dịch Nhật - Việt, Việt - Nhật. Giúp thực hiện biên phiên dịch dựa trên các thể loại văn bản khác nhau.

9.31. Phiên dịch Nhật - Việt (3 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên nắm vững các phương pháp phiên dịch Nhật - Việt, Việt - Nhật. Giúp thực hiện phiên dịch dựa trên các thể loại văn bản khác nhau.

9.32. Nói 1,2,3,4,5,6 tiếng Hàn (12 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên nhận dạng được chữ Hàn, hiểu và nắm được quy tắc phát âm, biến âm của tiếng Hàn. Đọc lưu loát, nói câu đơn giản, đàm thoại đơn giản đến phức tạp.

9.33. Nghe 1,2,3,4,5,6 tiếng Hàn (12 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên nghe, hiểu và nắm được quy tắc phát âm, biến âm và nối âm của tiếng Hàn. Nghe, hiểu nội dung câu hội thoại ngắn, trả lời đúng câu hỏi khi nghe ở trình độ sơ cấp đến các cấp cao hơn.

9.34. Đọc 1,2,3,4,5,6 tiếng Hàn (12 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên đọc hiểu câu từ đơn giản đến phức tạp, đoạn văn ngắn tiếng Hàn trình độ sơ cấp đến các cấp cao hơn.

9.35. Viết 1,2,3,4,5,6 tiếng Hàn (12 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên đọc hiểu câu từ đơn giản đến phức tạp, các đoạn văn ngắn tiếng Hàn trình độ sơ cấp đến trình độ cao cấp.

9.36. Địa lý Hàn Quốc (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên nắm được vị trí địa lý, lãnh thổ của Hàn Quốc.

9.37. Lịch sử Hàn Quốc (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên nắm được tổng thể lịch sử các thời đại Hàn Quốc từ thời cổ đại đến thời hiện đại.

9.38. Văn hóa Hàn Quốc (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên nắm được đặc trưng phong tục, tập quán, và tìm hiểu một số di sản văn hóa dân tộc Hàn.

9.39. Văn học Hàn Quốc (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên nắm được đặc trưng tổng quát về văn học Hàn Quốc.

9.40. Tiếng Hàn thương mại (2 tín chỉ)

Môn học giúp sinh viên biết cách soạn thảo các văn bản, công văn, chứng từ, hợp đồng,... bằng tiếng Hàn.

9.41. Biên dịch Hàn – Việt (2 tín chỉ)

Học phần này hướng đến mục tiêu hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng biên phiên dịch tiếng Hàn ở trình độ trung-cao cấp. Trong quá trình học SV có thể học được trang bị nhiều kiến thức cơ bản về biên phiên dịch, hệ thống liên kết văn bản và những diễn đạt cần thiết trong nhiều tình huống cụ thể, từ sinh hoạt công sở đến các nghi thức trang trọng như: lễ chúc mừng, khai trương, mở chi nhánh, tiệc chiêu đãi, lễ tốt nghiệp, họp bàn kế hoạch. Ngoài ra, SV còn được ôn tập lại một cách có hệ thống vốn từ vựng và nhóm cấu trúc ngữ pháp chuyên ngành liên quan nhằm bổ sung vốn kiến thức cần thiết trong lĩnh vực biên phiên dịch.

9.42. Phiên dịch Hàn – Việt (3 tín chỉ)

Học phần này hướng đến mục tiêu hỗ trợ SV rèn luyện kỹ năng biên phiên dịch tiếng Hàn ở trình độ trung-cao cấp. Trong quá trình học SV có thể học được trang bị nhiều kiến thức cơ bản về biên phiên dịch, hệ thống liên kết văn bản và những diễn đạt cần thiết trong nhiều tình huống cụ thể, từ sinh hoạt công sở đến các nghi thức trang trọng như: lễ chúc mừng, khai trương, mở chi nhánh, tiệc chiêu đãi, lễ tốt nghiệp, họp bàn kế hoạch. Ngoài ra, SV còn được ôn tập lại một cách có hệ thống vốn từ vựng và nhóm cấu trúc ngữ pháp chuyên ngành liên quan nhằm bổ sung vốn kiến thức cần thiết trong lĩnh vực biên phiên dịch.

9.43. Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ):

Giúp sinh viên tiếp cận với nghề nghiệp của mình, ý thức rõ về vai trò và trách nhiệm của người làm công việc chuyên môn, ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế, làm việc tại cơ quan doanh nghiệp, có cái nhìn tổng quan về nghề nghiệp để hướng đến công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp.

9.44. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức: Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 học phần thay thế (6 tín chỉ).